

Bản án số: 26/2022/DS-ST

Ngày 28-9-2022

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản
và hợp đồng thuê QSDĐ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN HỒNG - TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Cư.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Hải.

2. Ông Hồ Chí Trường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân Mai - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Chi – Kiểm sát viên.

Vào các ngày 19-9-2022 và ngày 28-9-2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 270/2021/TLST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2021 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2022/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 30/2022/QĐST-DS ngày 19 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1 Chị Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1983;

1.2 Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1970.

Cùng địa chỉ: ấp Anh Dũng, xã Tân Thành A, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp (tất cả có mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Hữu T, sinh năm 1983 (vắng mặt).

HKTT: ấp Tuyết Hồng, xã Tân Phước, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

Chỗ ở hiện nay: khóm 2, thị trấn SaRài, huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm anh Nguyễn Văn H và chị Nguyễn Thị Kim L trình bày: Vào ngày 10-3-2020, anh T có vay của anh H, chị Kim L số tiền là 200.000.000đồng, lãi suất là 3%/tháng, thời hạn vay là 04 tháng (tới vụ lúa trả), và anh T có nợ số tiền thuê đất từ năm 2018 với giá thuê một năm 60.000.000đồng/28 công tằm cấy, anh T đã trả được một phần đến ngày 02-6-2020 là nghĩ thuê nên chốt số tiền thuê đất còn nợ là 90.000.000đồng. Đối với số tiền nợ của hai khoản này anh T hứa tới mùa lúa sau vụ Đông Xuân năm 2021 sẽ trả (chỉ nói miệng), nhưng cho đến nay đã thu hoạch lúa Đông Xuân xong nhưng anh T vẫn không trả cho anh H, chị Kim L. Theo đơn khởi kiện thì anh Nguyễn Văn H, chị Nguyễn Thị Kim L yêu cầu anh Nguyễn Văn Hữu T trả số tiền vốn vay còn nợ là 290.000.000đồng x 12 tháng x 1,67%/tháng = 58.116.00 đồng, tổng cộng vốn và lãi là 290.000.000đồng + 58.116.000đồng = 348.116.000đồng.

Nhưng tại phiên tòa sơ thẩm anh H, chị Kim L cho rằng vì quen biết và hiện nay anh T cũng khó khăn nên xin thay đổi yêu cầu, cụ thể chỉ yêu cầu anh Nguyễn Văn Hữu T trả số tiền vốn vay và thuê QSDĐ còn nợ tổng cộng 290.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi.

- Theo lời trình bày của anh Nguyễn Văn Hữu T có trong hồ sơ vụ án: Thống nhất theo lời trình bày của anh H, chị Kim L. Vào năm 2020, anh T có vay của anh H, chị Kim L số tiền là 200.000.000đồng và còn thiếu tiền thuê đất là 90.000.000đồng nên vào ngày 02-6-2020 khi anh T và chị L (vợ anh T) đang làm thủ tục ly hôn tại Tòa án thì anh H, chị Kim L có đến yêu cầu anh T phải ký tên vào tờ thỏa thuận là có nợ tiền vay và tiền thuê đất của anh chị số tiền tổng là 290.000.000đồng, do lúc đó anh T muốn thủ tục ly hôn không kéo dài nên anh T đã thống nhất ký tên vào tờ thỏa thuận đó để nhận nợ thuộc về anh T nhưng thực chất số tiền nợ này là của chị L (vợ anh T) và anh T trong thời kỳ hôn nhân. Nay anh T ý kiến chị L phải cùng liên đới trách nhiệm với anh T trả số tiền còn nợ cho anh H, chị Kim L.

- Ý kiến đại diện Viện kiểm sát:

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Hồng phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng dân sự là đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền: Nguyên đơn và bị đơn tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng thuê QSDĐ và bị đơn hiện nay đang sinh sống, có mặt tại huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số nợ vay và tiền thuê QSDĐ nên Tòa án nhân dân huyện Tân Hồng thụ lý vụ án là tranh chấp tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng thuê QSDĐ theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm bị đơn anh T đã được tổng đạt, triệu tập hợp lệ theo quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự mà vẫn cố tình vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T là đúng theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu của anh H, chị Kim L về việc yêu cầu anh T trả nợ vay 200.000.000đồng và nợ thuê QSDĐ còn thiếu 90.000.000đồng, tổng cộng 290.000.000đồng, không yêu cầu tính lãi. Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đối với số tiền vay và tiền thuê QSDĐ thì căn cứ vào biên nhận ngày 02-6-2020, anh T có ký nhận nợ của anh H, chị Kim L tổng cộng 290.000.000đồng. Biên nhận do anh T trực tiếp ký nhận, theo lời khai và tại phiên hòa giải anh T cũng thừa nhận việc này, cho thấy biên nhận trên và các bên thống nhất số tiền nợ là có thật và được hai bên thừa nhận nên không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc anh T cho rằng nợ vay và nợ thuê QSDĐ này là của chị L và anh T khi anh T và chị L còn chung sống vợ chồng với nhau nên anh T ý kiến thống nhất liên đới cùng chị L trả nợ. Hội đồng xét xử nhận thấy, Tòa án yêu cầu anh cung cấp địa chỉ của chị L thì anh không cung cấp được, đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án anh T thừa nhận khi anh T và chị L khởi kiện đến Tòa án để yêu cầu ly hôn thì anh T thỏa thuận thống nhất nhận nợ này là của anh T nên đồng ý ký tên. Như vậy, cho thấy tuy nợ vay và nợ thuê QSDĐ xuất phát từ khi anh T và chị L còn sống chung vợ chồng với nhau nhưng khi ly hôn thì anh T thống nhất nhận nợ là của anh và trong vụ án này phía nguyên đơn chỉ yêu cầu

một mình anh T trả nợ. Ngoài ra, theo lời trình bày và cung cấp chứng cứ của anh H, chị Kim L thì khi ký nhận thỏa thuận nợ thì giữa anh T và chị L có thỏa thuận chia nợ và hiện nay không những anh T ký nhận nợ hui này mà chị L cũng có ký nhận nợ của anh H, chị Kim L đến nay chị Loan cũng chưa trả.

Từ những nhận định trên căn cứ vào các điều 357, 463, 466, 468, 469 và 500 Bộ luật dân sự năm 2015 cho thấy yêu cầu của anh H, chị Kim L là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí:

- Buộc anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do chấp nhận yêu cầu của anh H, chị Kim L.

- Anh H, chị Kim L không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm cho nên được hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, 92, 147, 227, 228, 244, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 357, 463, 466, 468, 469 và 500 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Buộc anh Nguyễn Văn Hữu T có trách nhiệm trả nợ vay và nợ thuê QSDĐ gốc còn thiếu tổng cộng 290.000.000đồng (Hai trăm chín mươi triệu đồng) cho chị Nguyễn Thị Kim L, anh Nguyễn Văn H.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi

hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc anh Nguyễn Văn Hữu T phải nộp 14.500.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Nguyễn Văn H, chị Nguyễn Thị Kim L không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho anh Nguyễn Văn H, chị Nguyễn Thị Kim L số tiền 8.702.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0002557 ngày 25 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hồng.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm của Tòa án cấp sơ thẩm để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 28-9-2022). Riêng bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Tân Hồng;
- Chi cục THADS huyện Tân Hồng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Cư